

HỒ DZINH

HỒ DZINH

VŨ THU HIÊN

Nhà văn Thanh Châu có một giang sơn riêng – một gác xép bằng gỗ ghép.

Thời ấy, tức là cái thời trong câu chuyện này, gác xép có nhiều hơn các nhà đông người mà chật hẹp. Gác xép tăng diện tích không được bao nhiêu, nó chỉ bằng một phần ba diện tích căn phòng dưới nó, nhưng là một mảnh riêng tư của Thanh Châu, nơi ông dành để tiếp bạn, người nhà không hề lai vãng.

Để lên cái gác xép ấy tôi phải leo một cái thang dựng ngược, bám cứng vào hai thành lưng lay của nó mà nhích từng bước để rồi chui qua một lỗ vuông hẹp.

Từ khi nhà nước vào tiếp quản Hà Nội, Thanh Châu biến mất khỏi văn đàn. Để tài, bút pháp thuộc dòng lãng mạn bị coi là nọc độc. Tác giả Tà Áo Lụa, Bóng Người Ngày Xưa... giờ đây ngời lặng lẽ nơi mảnh đất tự tạo bên cái bàn trà nhỏ đã lên màu cánh gián và bộ trà màu đất nung tí tẹo.

Người thường xuyên có mặt trên gác xép của Thanh Châu là Kim Lân, cây bút số một về chuyện nhà quê. Người thứ hai là “ông Giê Su” phò Hàng Thuộc Bắc” Bùi Xuân Phái. Người mảnh khảnh, nói cho đúng là gầy xác ve, gương mặt xanh trẻo khác hẳn giêng mặt Đông Cứu Thế trên các tượng Chịu Nạn đã làm nên biệt hiệu ấy.

Tôi thường gặp Bùi Xuân Phái ở gác xép của Thanh Châu, nhưng để trò chuyện tâm tình với anh thì chỉ có thể ở gác xép nhà anh. Người tự xưng “nhát gan bậc nhất Hà Thành”, họ thấy gác xép của Thanh Châu có quá ba khách là anh lịch sự bắt tay mỗi người một cái rồi ù té.

Từ cái l□ vuông □y, vào một ngày không còn nhớ, nhô lên một mái đ□u ch□i ngược, đường ngôi rõ ràng, khuôn mặt xạm đen với nụ cười phô những cái răng dài.



H□ DZ□NH

– H□ Dz□nh đ□y! – Thanh Châu ghé vào tai tôi.

Tôi không quên được hình □nh □y – nó g□n ch□t vào trí nhớ.

Con người lộc ngọc, xương to, thịt ít, ng□i xu□ng bên tôi:

– Vũ Thư Hiên?

Thanh Châu gật.

Ch□c h□n Thanh Châu, hoặc Kim Lân đã nh□c đ□n tôi nhân câu chuyện đụng tới th□ sự văn chương. Và còn một lẽ nữa – trong các khách c□a Thanh Châu tôi ít tu□i nh□t.

Ch□ là h□i □y dư luận đang □n lên với bài “Giương cao ngọn cờ tính Đ□ng, ch□ng ch□ nghĩa xét lại hiện đại trong văn nghệ” c□a T□ Hữu. Nó hứa hẹn một trận đánh, r□t có th□ sẽ là một vụ “Nhân Văn – Giai Phẩm” thứ hai, Tôi được nêu tên vì truyện ng□n Đêm M□t Ng□. Cùng với tôi còn có Nguyễn Ngọc với Mạch Nước Ng□m và Ngô Ngọc Bội với Chị C□ Phây. Có thêm hai người chịu trận là may cho tôi, chứ một mình thì nguy to.

Lời phê phán c□a nhà thơ lãnh tụ l□n này không gây ra đám cháy lớn. Tuy nhiên, sau bài báo đó các ông t□ng biên tập, các thư

ký toà soạn liến còm kính lúp soi từng chữ trong mỗi vñ thơ, mỗi câu văn. Mấy truyện ngắn hiñ như đút cĩa tôi gỏi đñn đñu bị trñ lại. Hi vì sao thì các vị còm trích nhe răng cười.

Trong hoạ có phúc. Tôi không được in thì lại được được tiếp chuyện các bậc đàn anh nhiñu hơn.

Kim Lân phát mạnh vào vai tôi: “Mặc mẹ nó! Được Tñ Hữu đập, coi như “lúy” công nhận ông có chiñu trong làng văn. Hay chứ không dñ”.

Nói thñ, Kim Lân phñi tin tôi lñm. Câu ñy mà đñn tai Tñ Hữu thì lòi thôi to. Được Kim Lân tin, tôi sướng âm ñ. Hiñ lành một cục, thận trọng cũng một cục, thñ mà rñi có lúc anh cũng bị nện cho một trận với truyện ngắn “Con chó xñu xí”. Người ta nói tác giñ ví văn nghệ sĩ trung thành với đñng như con chó ghñ xñu xí nọ, nó gñng sức giữ nhà cho chñ, thñ mà vừa tron lông đñ da là chñ vật ra làm thịt. Một truyện ngắn hay, giọng văn mộc mạc, khó có thñ tìm được một câu được hiñu là móc máy. Kim Lân cười buñ: “Cái bọn phê bình có cñn chó gì nghệ thuật. Nghñ cñn bọn ñy là bñi. Cứ thằng nào viñt văn không nñi là y như rằng nó quay ra làm phê bình”. Nguyñn Tuñn trñn trñi trước: “Này, đừng có chñn tôi bên cạnh một thằng phê bình đñy nhá!”.

Nói cho công bằng, những nhà phê bình đôi khi cũng có ích ra phñt. Không có họ đọc giñ không hiñu hñt ý cñn tác giñ, họ vạch ra mới thñy. Không kñ những trường hợp các phê bình gia bñn ra những cái tác giñ không chñ tâm. Như Văn Ngạn Tñng Công cñn Vũ Tú Nam chñng hạn. Người đñng viên trung thành cñn đñng viñt chuyện chơi chơi cho trñ con, nhưng các nhà phê bình lại thñy trong đó sự xñ xiñ: đñng là con ngan hñnh tiñn, bay không biñt bay, bơi không biñt bơi, chñ nñ mñm cạc cạc.

Không nñi tiñng như Nguyñn Tuñn, nhưng Thanh Châu vñn cứ là một bñ lão trong nghñ, được nhiñu cây bút trñ trọng vọng. Họ đñn với anh, thành kính như vñg trñm hành hương vñ một quá khứ đã bị chñn.

Thanh Châu bút đã đành, nhưng Kim Lân, trộm hơn Thanh Châu cớ chực tuồng, họa hoằn mới cho ra một truyện ngắn. Vì “ngứa ngh” (chữ của Kim Lân), chứ không phải vì nhuận bút. Nhuận bút bây giờ còn cỗi lóm. Đã thế lại chỉ có vài tờ báo nhận đăng thơ, hoặc truyện ngắn. Người mua trộm thành nhà thơ, nhà văn lại quá nhiều. Thiên hạ mua cái tiếng cái danh, chứ nhuận bút họ không màng. Ấy là chưa kể họ còn phải nghĩ rằng móc túi cho những bữa chiêu đãi các vị chức sắc và các thứ toà soạn.

Trong lần đầu gặp gỡ, Hò Dzinh nắm chặt tay tôi, bóp bóp vài cái. Ấy là anh khen đấy, Thanh Châu giải thích. Anh ý nhị nhìn tôi, cười tím tím.

Sau mới biết Hò Dzinh ít khi tỏ thái độ khen chê. Anh là người kín kẽ, kiệm lời.

Thanh Châu nhận xét vắn tắt về Hò Dzinh:

– Cớ hiếm trong văn học. Bút pháp của ông ấy có mua học cũng không được – là văn đấy, mà cũng là thơ đấy.

Trong số khách của Thanh Châu, Hò Dzinh là một nhân vật đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ anh lặng lẽ đến, lặng lẽ leo lên, rồi trộm ngấm ngầm nhấp trà quạu, không nói không rằng.

Lời viết của anh, chẳng khác gì của Thanh Châu, đã không còn được dụng. Viết văn giờ là công tác phục vụ cách mạng, phục vụ công nông binh, là trách nhiệm và sự nghiệp của nhà văn. Viết cái gì, viết thế nào, đã có đảng cầm tay chỉ việc. Mặc dầu không dính dáng gì với đám phần động “Nhân Văn – Giai Phẩm”, nhưng anh vẫn bị người ta nhìn bằng cặp mắt nghi ngờ – bọn văn nghệ sĩ cũ không thể tin – lũ ấy kém mười lăm phút đấy phần động. Để yên thân, thỉnh thoảng anh cũng có một bài thơ nhặt nhẽ trên tờ Lao Động. Anh không bao giờ nhắc đến chúng.



HỒ DZINH và gia đình

Tôi đọc Hồ Dzinh rất sớm, lúc mới lên mười. Cha tôi thường mang về cho tôi những cuốn Sách Hạng cho trẻ con, mỗi cuốn là một chuyện cổ tích. Chúng được kể với giọng dí dỏm, dễ hiểu, lôi cuốn. Lại có cả một cuốn sách thơ cho trẻ con, không nhớ là của ai, trong đó có hai câu còn đọng lại lâu trong trí nhớ:

Hôm qua trời đổ mưa rào,

Mặt trời sợ ướt lên vào đám mây.

Cuốn sách đầu tiên, đích thực sách, mà tôi được đọc, là Chân Trời Cũ.

Một ngày, mẹ tôi mua Chân Trời Cũ về. Bà đọc chăm chú, có lúc thờ người ra, lấy tay dụi mắt – bà khóc thầm.

Chờ cho mẹ đọc xong, quên nó rồi, đi vắng rồi, tôi mới dám lấy nó ra từ trong giỏ kim chổi của bà. Lệ trong nhà là thế, trẻ con không được đọc sách người lớn.

Tôi không biết nói về cảm giác của tôi là thế nào khi đọc Chân Trời Cũ. Một nỗi xúc động bất ngờ trong tâm hồn trẻ thơ chăng? Có thể không phải thế, hoặc không rõ ràng là thế. Những câu chuyện bình dị về những kiếp người, được viết bằng thứ tiếng Việt chân chất, không uốn éo, không màu mè, gợi nhớ những gì tôi đã biết, đã thấy trong cuộc sống bé bỏng của mình. Chúng đọng lại trong tôi ấn tượng mạnh chưa từng có.

– Anh là người thầy đầu tiên dạy tôi yêu văn – tôi nói với Hò Dzinh – Còn hơn thế, anh làm cho tôi hiểu tiếng Việt của ta đẹp đến là nhường nào.

Nghe tôi, Hò Dzinh cười bẽn lẽn. Tôi dùng đúng chữ phải dùng – anh bẽn lẽn thật sự. Mặt anh đỏ lên, mắt anh chớp chớp, anh lúng túng trước lời khen. Những con người lớn thật sự bao giờ cũng mang trong mình một đứa trẻ.

– Anh hiểu tôi rồi đấy – anh khẽ nói với tôi, như nói một mình – Tình yêu đối với văn chương không bắt đầu bằng cái gì khác ngoài tình yêu ngôn ngữ. Chuyện đi kìa thì ai mà chẳng có. Nhưng đi viết nó ra, cho nó có hình hài, cho nó sống dậy, cho nó đi lại, trò chuyện được với mọi người thì ngôn ngữ là cái quan trọng hàng đầu. Và duy nhất. Nó quyên rũ mình, nó hút hồn mình, nó rớt rớt mình, và sau hết, xúi giục mình cảm lấy cây bút.

Tôi được nghe lời tâm sự này vào một đêm khuya ở ngôi nhà nhỏ của anh, [số 80 Hòa Mã](#), khi Hà Nội đã ngủ yên.

– Tiếng Việt là âm nhạc, anh ạ. Thoạt kỳ thuở, những câu văn xuất hiện như một dòng nhạc. Nó ngân nga mãi trong đầu trước khi mình đặt bút lên trang giấy trong những chữ đầu tiên. Nó là một cái gì đó rất mơ hồ, ta chưa thấy hình dung. Nó như mây như gió, không sao nắm bắt được, không làm chủ được, không sai khi nào được nó. Cái gì cứ cục cựa trong đầu, đòi được thoát ra. Ta như bị bức bách phải cho nó đi xuống trang giấy, thành một vần thơ, một câu văn. Sau đó thì vần thơ gì, câu văn gì, sẽ tự kéo theo nó những chữ khác, những câu khác. Rồi cứ thế, một bài thơ, một truyện ngắn ra đời.

Tôi trích ở đây một đoạn trong Chân Trời Cũ của người khách tha hương ngồi bên bàn đồ vụng tanh vụng ngất trong chiếu tà. Người gì nếm cơm ra nhai trệu trạo, đoạn đứng lên bực loa miệng gọi đồ: “Tội ui!”

Trời đã ngủ màu tím. Khách không tin còn đồ. Nhưng rồi con đồ ở bờ bên kia cũng rời bàn sang với khách. Đêm ấy khách được

ngồi đứng trong nhà cô lái đồ tể bụng.

“Mấy tiếng tù và khuya rúc lên, bay vào gian nhà vắng. Lòng biết mọi người đã ngủ yên cả, vị thên tở của giang sơn Trung Hoa vút chân chữ ngũ, khe khẽ ngâm một bài thơ cả, qua nỗi xúc động đột nhiên tự lại trong người:

Uýt loọc, vú thày sướng mơn thín,

Coóng phồng, dì phở, tui sàu mìn,

Cú chầu sòng ngời Hồn Sấn sì.

Dờ pun, chớng sếng tàu hác sin.

(Nguyệt lạc, ô đờ, sương mẩn thiên

Giang phong, ngư hờa, đời sầu miên,

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,

Dạ bán, chung thanh đáo khách thuyên) [\[1\]](#)

Ngay lúc ấy, từ gian buồng bên, nỗi lên mấy tiếng gì như chuột rúc. Lữ khách, thây đứt mạch cảm hứng, cầu nhàu trong bóng tối:

– Ờy dà! Cảm tở xở a! (Chà! Lỡ chuột thỏ!)

Nhưng đó không phải tiếng chuột rúc. Đó là tiếng người con gái chờ đồ ban tở cười qua hai làn môi khép kín.

Cuốn Chân Trời Cũ gồm nhiều truyện ngắn, theo ghi chú của tác giả thì nó được viết vào tháng Giêng năm 1940, xuất bản lần đầu năm 1942. Về sau, nó được tái bản nhiều lần. Tôi rất nhớ hai câu kết của truyện ngắn Ngày Gặp Gỡ:

“Người khách sang sông chiếu muộn Ờy về sau này là cha tôi. Và cô lái đồ, là mẹ tôi”.

Không hiểu sao mà câu sau cùng này lại biến mất trong lần tái bản sau cùng. Mà tôi cho rằng đó là câu khép chuyện hay nhất.

Nó mới giỡn dị làm sao! Mới đẹp làm sao!

Tôi có lộn viết ở đâu đó: “Tôi có hai người thầy: Hò Dzơnh cho tôi thầy cái đẹp trong ngôn ngữ giỡn dị; Nguyễn Tuân, ngược lại, dạy tôi cách sử dụng những từ câu kỳ đúng chỗ tăng sức mạnh của câu văn. Cả hai cho tôi hiểu tiếng Việt là âm nhạc, đích thực là âm nhạc, với những tiết tấu riêng, với sự xen kẽ của những toàn hài và cung chương để đưa người đọc đi xa hơn, cùng với liên tưởng bất giác để bay xa, vượt lên trên những con chữ”.

Hỡi ôi, còn nhá, tôi chưa gặp thơ Hò Dzơnh. Lớn lên, đọc anh tôi mới hiểu ra tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ theo nghĩa đen, đã như hương tới anh mạnh đến thế nào.

*Trời đẹp như trời mới tráng gương
Chim ca ánh sáng rộn ven tường
Có ai bên cửa ngói hong tóc
Cho chày lan thành một সুই hương.*

Một khúc khác:

Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!

*Đôi lòng buồn tôi dạo khắp trong sân,
Ngó trên tay thu hoạch lá cháy lụi dần...
Tôi nói khẽ, góm, làm sao nhớ thề!*

...

*Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé!
Tôi sẽ trách – cớ nhiên! – nhưng rất nhẹ;
Nếu trót đi, em hãy gắng quay về,
Tình mới vui khi đã vẹn câu thề,
Đời đẹp những khi còn dang dở.
Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ dờ,
Cho nghìn sau ... lơ lửng ... với nghìn xưa....*

Trời không nắng cũng không mưa,

Chờ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung.

Chiều buồn như mồi sếu chung
Lòng im nghe thoảng tơ trùng chôn xa

Đâu hình tẩu chậm quên ga
Bâng khuâng gió nhớ vờ qua lá dầy

Hay bài thơ Chiều đã được Dương Thiệu Tước phổ nhạc mà nhiều người thuộc nhưng không biết là những vần thơ của Hồ Dzếnh:

Trên đường vờ nhớ đờy
Chiều chậm đưa chân ngày
Tiếng buồn vang trong mây
Chim rừng quên cợt cánh
Gió say tình ngây ngây
Có phải sếu vạn cổ
Chết trong hồn chiều nay?
Tôi là người lữ khách
Màu chiều khó làm khuây
Ngõ lòng mình là rừng
Ngõ hồn mình là mây
Nhớ nhà chầm điếu thu
Khói huyên bay lên cây ...

Tôi không rành lý luận văn học. Tôi cũng không có ý định nghiên cứu về văn Hồ Dzếnh. Cái đó không phải việc của tôi – tôi không có cái tài năng lớn hứng thú. Tôi có đọc một số bài nghiên cứu về Hồ Dzếnh. Trong những bài này có khá đủ dữ kiện để người đọc biết về Hồ Dzếnh với tư cách một văn tài. Nhưng tôi còn muốn nhiều hơn – một chân dung Hồ Dzếnh, con người và cuộc đời. Sau khi quen Hồ Dzếnh, tôi tìm đọc lại các tác phẩm của anh. Ngôn ngữ trong những tác phẩm ấy thật nhiên khác với ngôn ngữ hiện đại. Nhưng nó không lỗi thời. Cái đẹp vẫn còn đó nhờ sức mạnh của ngôn từ giản dị.

Năm 1986 Hồ Dzếnh vào Sài Gòn. Lần gặp gỡ này tôi được gặp anh nhiều hơn những buổi tôi ngón ngói ở ngôi nhà phố Hòa Mã. Ngón ngói là vì muốn nghe chuyện anh lắm tôi cũng không thẹn ngối quá khuya, khi chị bắt đầu đi ra đi vào, có ý nhắc đã đến giờ

anh đi ngủ.

Ở Sài Gòn, hôm nào Hồ Dzếnh cũng đến rồi tôi đi ăn sáng. Bật đầu bằng món phở ở một quán theo anh là rất tuyệt ở chân cầu chữ Y, đoạn đi tiếp, nhâm nhi ly cà phê ở một quán khác, gần nhà hàng Bát Đạt trên đường Trần Hưng Đạo, nó cũng tuyệt không kém. Một người bạn sành ăn sành uống đã cho anh lời khuyên, nó được anh nắn nót ghi vào mảnh giấy nhét trong túi ngực.

Tôi chỉ anh đi bằng xe Honda 67. Chúng tôi phóng vèo vèo trên chằng chịt phố xá. Ngồi sau, anh ôm cứng tôi, luôn cục cựa, hết quay phải lại quay trái.

Không biết trong những chuyện cưới ngựa xem hoa ngày ấy có làm anh nhớ đến Cô Gái Bình Xuyên năm 1945 hay không. Nó là tác phẩm lớn đầu và cũng là lớn duy nhất Hồ Dzếnh rời miền ký ức thân quen để bay lên những tầng trời tư tưởng tượng. Một thư sinh Bắc Kỳ lạc bước vào Hòn Ngọc Viễn Đông gặp một nữ tướng cướp. Chàng yêu nàng. Nàng yêu chàng. Một hôm nàng đi cướp, bị bắt. Xót nàng, băng bó cho nàng xong, chàng ôm nàng trong lòng, thủ thủ bảo nàng hãy ở nhà, chàng sẽ đi làm công việc nguy hiểm thay nàng. Nữ tướng cướp nghe chàng, cười rử. Nàng ép đầu chàng vào ngực mà bảo: công việc ấy không phải của anh mà, anh hãy cầm súng tiễn nàng rời về Bắc đi. Nơi này, việc này không phải dành cho anh.

– Tôi không giàu tư tưởng tượng – nhắc đến Cô Gái Bình Xuyên, anh cười anh – Cái gì dính với tôi, với những kỷ niệm trong đầu thì tôi viết được, hết bịa là y như rằng hỏng, anh ạ.

– Ờ, Cô Gái Bình Xuyên không tôi, nhưng với anh, tôi nghĩ nó là một thất bại.

Tôi nói toạc, không sợ anh giận. Chúng tôi quen nói với nhau thật thà, không kiêng nể.

– Nghĩ của ta thế đấy. Cái mình viết đã thế ra là không cách nào đuổi theo để bắt nó về. Vì vậy mà viết xong tôi thường để đấy rất lâu rồi mới cho in.

– Nghĩa là anh còn nhiều bạn tho đẹp chi?

Hồ Dzinh tránh câu trả lời.

Hồ Dzinh viết thận trọng. Nhưng chỉ chừng ấy tác phẩm đã được anh thò ra cũng đủ làm phong phú thêm nền văn học mà ta quen gọi là tiếng chin. Những gì anh viết còn cho ta thấy được một hiện tượng khác – ấy là một người nước ngoài hoàn toàn có thể sáng tác bằng tiếng Việt không khác gì người Việt.

Nghe nói người Hoa khuyến khích con trai Hoa lấy vợ Việt nhưng ngăn cấm con gái Hoa lấy chồng Việt. Chuyện này có thật – người ta làm thế là để bảo vệ nòi giống, và cấm mở rộng nòi giống nữa. Chồng thế mà những người Tàu tha hương giữ gìn tiếng Hoa lắm lắm, cho dù có lưu lạc đến tận đâu tận đâu trên địa cầu. Hơn bất cứ cộng đồng di dân nào, người Hoa coi mắt ngôn ngữ là một gốc. Tiếng bạn địa đối với họ vĩnh viễn là ngôn ngữ thứ hai, chỉ để dùng trong giao tiếp là được, không cần hơn. Thời tôi, nhiều người Hoa thuộc thế hệ thứ ba thứ tư vẫn không nói sõi tiếng nơi mình sinh sống.

Trường hợp Hồ Dzinh là hẳn hữu. Mặc dù theo phong tục của người Hoa, anh ít phải học và rành tiếng Hoa hơn tiếng Việt. Anh sáng tác được bằng tiếng Việt do anh có mẹ người Việt, và tiếng mẹ đủ của anh đã chiếm lĩnh toàn bộ tâm hồn anh.

Cuộc gặp gỡ nhiều ngày với Hồ Dzinh ở Sài Gòn cho tôi hiểu anh thêm. Chúng tôi có đủ thời gian cho những chuyện tâm tình.

Cũng trong cuộc gặp gỡ này tôi mới biết trong sâu thẳm tâm hồn, Hồ Dzinh có một vết thương khó lành và không đáng có. Dù anh đã có một chỗ đứng trong văn đàn Việt Nam, anh vẫn luôn cảm thấy có sự phân biệt: anh là nhà văn, nhưng là nhà văn người Tàu, hoặc tệ hơn, nhà văn gốc Hoa.

Mặc dù người Hoa đến Việt Nam đã ăn đời ở kiếp trên đất này, đã chôn nhiều thế hệ cha ông ở đây, đã được người bạn địa hiểu hoà mở rộng vòng tay đón nhận, coi như người trong gia đình lớn các tộc người cùng sống chung với nhau trên một mảnh đất,

nhưng đã xảy ra không ít cảnh đau lòng.

Sách còn ghi trận quân Tây Sơn tàn sát một vạn sinh linh người Hoa ở cù lao Phố vào thế kỷ 18. Trong cơn thịnh nộ: “Đánh cho đứt dài tóc/ Đánh cho đứt đen răng/ Đánh cho nó ngựa xe tan tác/ Đánh cho nó mệnh giáp không còn/ Đánh cho nó biết nước Nam anh hùng có chớ”, đàn bà trẻ con người Hoa cũng không thoát khỏi ngọn giáo lưỡi gươm thù hận.

Theo thống kê không được coi là chính xác, năm 1978 và đầu năm 1979 đã có hai vạn người Hoa vượt biên giới phía bắc để trở về Trung Quốc. Nhà nước Trung Hoa đã đặt tên cho nó là “nạn kiều”.

Tất cả bắt đầu bằng một tờ truyền đơn giục mạo tợn của chính quyền Trung Quốc kêu gọi người Hoa mau mau trở về quê hương để tránh một cuộc “tắm máu” sắp xảy tới. Tờ truyền đơn do một tên vô danh tiếu tít ở Quảng Ninh học tiếng Trung ở Nam Ninh (Trung Quốc) thò ra, dưới sự khuyến khích của tên quan thầy nể công tác tại chức ở trung ương. Tác giả tờ truyền đơn về sau leo lên một trong những chức vị cao nhất trong hệ thống nhà nước. Công lao được ghi nhận của y là đã xua đuổi được hàng vạn người Hoa ra khỏi Việt Nam mà không tốn một viên đạn. Tôi không viết tên chúng ra đây – chúng không đáng được nhắc đến.

Thì là những con người, chứ không phải những con vật, đã ăn đời ở kiếp trên đất nước ta bằng bọ nhâu, dúi nhâu, bọ ruộng, bọ vườn, bọ nhà cửa, bọ mẹ mệ cha ông, chạy về đất nước mà tổ tiên họ đã bỏ đi để tới đất này. Ở mảnh đất mà bỏ lại đằng sau, những địa danh chớ được mơ hồ biết đến, được nhớ tới, trong những truyền thuyết và những chuyện kể về đêm của những ông già bà cụ. Thì mà giờ đây bắt thành linh họ phải bỏ hết để chạy về quê hương: một chân trời xám xịt đầy một màu máu của để thử cách mạng long trời lở đất, hết cái này đến cái khác, mà họ được nghe từ những tiếng bào sòng sót trồn qua biên giới.

Tổng số người Hoa rời khỏi Việt Nam từ Bắc chí Nam trong thời kỳ này lên tới gần một triệu trong số gần hai triệu người Hoa sinh sống ở Việt Nam, theo một con số thống kê.

Kim Lân, theo tôi quan sát, là bạn thân nhất của Hồ Dzếnh, Nhưng hình như có những tâm sự chưa xốt Hồ Dzếnh chưa hề nói với bạn. Không phải anh có điều gì phải giấu giếm. Chỉ là anh không muốn nói, không muốn kể, những chuyện đau lòng.

Tôi may mắn hơn. Tôi được nghe anh kể những gì đã xảy ra với anh trong năm 1978:

-Tờ truyền đơn khốn nạn ấy có tác động kinh khủng. Người ta tin nó là thật. Họ chép lại, trao tay nhau, rồi lời đồn loang xa. Thấy người Hoa theo nhau ùn ùn kéo đi. Cửa nhà trong nhà còn gì mang ra bán cho bằng hết, bán rẻ như cho, lòng sục mua vàng. Nhìn một chốc, nửa chốc, vài đồng cân, mua hết, không cân kẹo, không phân biệt thật giả, dốt tịt tịt vào lưng quần. Lưng đeo ba lô, vai khoác tay nải, họ dốt dứ nhau lên đường. Nước mắt lưng tròng, họ hối hả đi, thót thót đi. Thăm lăm, Tội nghiệp nhất là những gia đình Hoa Việt – chồng đi, vợ ở lại, vợ đi, chồng ở lại. Những đứa con máu mủ chia tay nhau, đứa đi đứa ở, xảy đàn tan ghé. Tôi có anh bạn bác sĩ đông y người Hoa, vợ Việt, hai đứa con, một trai một gái. Anh chồng mang theo con trai, vợ ở lại với con gái. Bao nhiêu là nước mắt. Chia tay họ, tôi khóc ròng”.

– Còn anh thì sao? – tôi hỏi.

– Tôi không đi.

– Tất nhiên, anh còn đang ngồi đây với tôi mà.

Hồ Dzếnh thở dài:

– Tôi không thể đi. Nơi này là quê hương tôi, là đất nước tôi, là tình yêu của tôi. Tôi không thể bỏ.

– Những người ra đi không lôi kéo anh?

– Có chứ. Người ta đến nhà rồi tôi đi cùng. Hằng ngày. Người ta thương tôi, lo sợ cho tôi.

– Còn chính quyền?

– Chính quyền?

– Người ta có làm khó anh nhiều không?

– Có đấy. Họ đến nhà, giục gia đình tôi đi. Không phải một lần. Tôi lánh mặt. Họ hỏi vợ tôi: “Bao giờ ông bà mới chịu đi?”

– Chị trả lời thế nào?

– Nhà tôi bảo: “Tôi không biết. Thuyền theo lái, gái theo chồng. Trong nhà tôi, ông ấy là người quyết định, không phải tôi. Các ông đi mà hỏi ông ấy!”

– Ông ấy không chịu giáp mặt chúng tôi. Chúng tôi biết – ông ấy đang ở trong nhà – họ nói.

– Ông ấy đi từ sớm, thức dậy tôi đã không thấy ông ấy đâu. Chắc ông ấy không ngủ được, dậy xong là đi. Các ông thì tìm mấy quán cà phê xem có ông ấy có đấy không?

– Rồi họ cũng tóm được tôi, bảo tôi đi theo – anh tiếp – Đi thì đi. họ là nhà nước, mình là dân, lại là người Hoa, thứ người hạ đẳng. Ngồi lên command-car, hai người ngồi hai bên. Như sợ tôi trốn mất. Họ định đưa mình đi đâu đây, tôi nghĩ? Xe rẽ vào Họa Lò, anh ạ. Cái Maison Centrale này người Hà Nội có ai không biết. Tôi tự hỏi: “Mình làm gì mà họ bắt cơ chứ”? Rồi cái xe dừng lại trong một cái sân rộng.

Tôi hình dung cái sân Họa Lò sạch bong với mấy dàn nho queo quắt. Tôi đã đứng đây khi đi thăm cha tôi vào thời thuộc Pháp. Tôi cũng đã đứng đây chờ được đưa vào xà lim, thời cách mạng.

– Theo chân họ, tôi bước vào một căn phòng trống huếch trống hoác, tường hậu có một cái bàn gỗ. Lấy thêm ghế, phân ngồi

chỗ khách. Chỗ ngồi trong. Tôi ngồi ngoài. Mời uống trà. Thuộc lá sang, Thăng Long bao bạc hân hoi. Chuyện trên trời dưới đất.

Sau hết, mấy tay công an mới vào đây:

– Anh nhất định không chịu đi?

– Tại sao tôi lại phải đi?

– Người Hoa đi rồi, anh lại làm gì?

– Nhà tôi ở đây, vợ con tôi ở đây, đi đâu? Việc gì tôi phải đi?

Họ nhìn nhau, cười. Cứ như họ nghe một câu trả lời của người điên. Tôi bậm môi, không nói thêm câu nào nữa. Nói làm gì? Có nói họ cũng chẳng hiểu. Với họ, tâm hồn con người là thứ vô dụng, họ không thể hiểu, không thêm hiểu. Rồi họ đứng lên, ra hiệu cho tôi đi theo.

Anh im lặng, nhớ lại.

– Họ đưa anh đi đâu?

– Qua một cửa lớn nhiều song sắt. Rồi một cửa nhỏ, cũng nhiều song sắt. Con đường dẫn tới một hành lang tối, hai bên là những cánh cửa sơn xám có then cài với những cái khóa bằng đồng”.

Tôi thong thả:

– Đó là khu xà lim 1, gọi là Xà lim Án chém. Tôi từng ở đây. Họ giam anh?

Họ Dzơnh trầm ngâm. Rồi cười buồn:

– Lúc này tôi cũng nghĩ thế – chắc mình sẽ bị giam ở đây.

Anh có vẻ là cặp trên trong hai người mà nấp cái ô nhỏ bên trên cánh cửa, kiếng chân nhòm vào, rồi ra hiệu cho tôi nhòm

theo. Cái l[ỗ] quan sát [c]y tôi bi[ế]t qua sách. Người Pháp gọi nó là le judas. Tôi không ph[ải] ki[ể]ng chân, tôi cao hơn anh ta, Nhòm vào, tôi giật b[ên] mình – bên trong là một cái xác tr[ở]n tru[ng], gày đét. Nghe động, cái xác hé m[ở]t. Hoá ra là một người s[ống]. T[ự]t nhiên, anh ta không nhìn th[ấy] tôi, cái l[ỗ] [c]y ch[ỉ] cho anh ta th[ấy] hai con m[ở]t. May, không ph[ải] một người quen. Ti[ếp] theo, họ m[ở] thêm vài cái ô như th[ế] nữa, v[à]y tôi lại, nhưng tôi l[ạc].

– R[ất] sao?

– R[ất] họ đưa tôi v[ào] nhà, cũng trên chi[ếc] command-car [c]y. Trên xe, chúng tôi không ai nói với ai câu nào. Ch[ỉ] khi m[à] c[ửa] xe cho tôi xu[ng], người công an c[ập] trên mới đặt tay lên vai tôi: “Anh th[ấy] r[ất] đ[ối] – anh mu[ốn] v[ào] Tàu hay mu[ốn] [ở] lại trong cái ch[ỗ] anh vừa th[ấy]?”

Câu chuyện H[ồ] Dz[ế]nh k[ể] làm tôi bàng hoàng.

Lại thêm một cái không th[ể] ngờ có th[ể] x[ảy] ra trong cuộc cách mạng mà tôi đi theo từ thu[ở] thi[ệp]u thời. Những người mà tôi từng gọi là đ[ối]ng chí đã hành x[ử] tàn nh[àn] đ[ến] th[ế] đ[ối]y, với một nhà văn hi[ến] lành không h[ể] ch[úng] lại họ thậm chí trong ý nghĩ.

Đoạn h[ồi] ức này tôi ghi lại đ[ể] thêm vào những gì nhi[ều] người đã vi[ế]t v[ề] H[ồ] Dz[ế]nh.

L[ần] gặp anh [ở] Sài Gòn là l[ần] cu[ối]. Sau đó chúng tôi cũng không có thư từ, điện thoại cho nhau. Tin nh[àn] cu[ối] cùng anh g[ửi] cho tôi là bài vi[ế]t thay cáo phó trên tờ Văn Nghệ,

* * *

Tháng 8 năm 1991, tôi [ở] Warszawa.

Một bu[ổi] chi[ều], sau khi u[ng] cà phê [ở] quán U Szwejka[2] trên qu[ảng] trường Konstytucji, tôi th[ể] bộ tới đường Marszałkowska thì một chi[ếc] taxi tr[ở] tới. [ở]t h[ồi]n anh lái nghĩ tôi là một du khách đang lơ ngơ tìm đường.

Ngạc nhiên làm sao, vừa ngồi vào xe, lên tôi thấy bên mình một tờ báo tiếng Việt.

Một hàng tít lớn đập vào mắt : "Nhà văn H. Dzinh không còn nữa".

Xem ngày tháng thì thấy tờ báo mới ra hôm qua. Chắc hẳn nó là của một người Việt vừa đi từ phi trường Okciecie vào thành phố đã bỏ lại.

Tôi bàng hoàng.

Tôi ít khi nghĩ tới cái chết, cho chính mình, cũng như cho những người tôi biết. Sự sống vốn chẳng là vô hạn với bất cứ ai – biết là thế, nhưng bất ngờ vốn cứ là bất ngờ. Thậm chí trong hành trang của tôi vốn còn đầy cái đồng hồ quai quít cổ mặt sứ tôi mua ở chợ đen Donbass để gửi cho H. Dzinh. Có lần nào đó anh nói với tôi anh thích đồng hồ quai quít hơn đồng hồ đeo tay. Nó gợi nhớ cái đồng hồ của cha anh – vật còn lại lâu hơn mọi thứ khác sau khi cha anh qua đời và mẹ anh phải bán đi tất cả.

Tôi nhào lên ghế trên, hấp tấp nói lại địa chỉ. Thay vì về nhà, tôi báo anh tài xế đưa tôi đến chỗ khác. Ở thương vụ Việt Nam tôi có thể nhờ gửi tin nhắn bằng telex nhanh nhất về cho con rể.

Các con tôi đã có mặt trong tang lễ, thay tôi tiễn đưa nhà văn mà tôi yêu mến đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Thêm một lần, tôi tin ở tâm linh.

Nó có thật hay không có thật tôi không biết. Bằng sự tình cờ hi hữu, H. Dzinh gửi cho tôi lời nhắn cuối cùng:

"Tôi đi đây. Chào nhé!".

2016

Những tác phẩm đã xuất bản của H. Dzinh:

- *Quê Ngoại* (thơ, gộp những bài góp nhặt từ năm 1935 đến 1942, xuất bản năm 1943);
- *Hoa Xuân Đất Việt* (thơ);
- *Chân Trời Cũ* (tập truyện ngắn, xuất bản năm 1942 (nhà xuất bản Hoa Tiên);
- *Một Truyện Tình 15 Năm Vở Trước* (tiểu thuyết, ký bút hiệu Lưu thị Hạnh (nhà xuất bản Hoa Tiên)
- *Hai Mũi Tình hay Tiếng Kêu Trong Máu* (truyện dài, ký bút hiệu Lưu thị Hạnh (nhà xuất bản Hợp Lực, 1968);
- *Dĩ Vãng* (tiểu thuyết)
- *Những Vành Khăn Trông* (tiểu thuyết, ký bút hiệu Lưu thị Hạnh);
- *Đường Kẽ Mảnh* (truyện ngắn, Trung Bắc ch nhật ,s 187, 12-12-1943);
- *Nhà Nhiêu Con* (truyện ngắn, Trung Bắc ch nhật, s 206, 11-6-1944).
- và nhiều truyện ngắn khác đăng rải rác trong các giai phẩm xuất bản thời tin-chiến.

[\[1\]](#) Bài thơ Phong kiêu dạ bạc của Trương Kế, đời Đường.

[\[2\]](#) Tên quán được đặt theo tên nhân vật cuốn tiểu thuyết lừng danh “Chuyện phiêu lưu của anh lính Sweik dũng cảm” của nhà văn Séc Jaroslav Hašek ([1883](#) – [1923](#))

[Theo Internet](#)